TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày: 27 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, bà Bùi Thị Bích Thủy

***Thư ký phiên toà**:* Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2024/TLST-HS, ngày 11/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HS, ngày 15/02/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn P; sinh ngày: 10/10/2000; tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 08/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T; con bà: Quách Thị T1; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 07/11/2023 đến ngày 16/11/2023; sau đó bị tạm giam từ ngày 16/11/2023 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn V; sinh ngày: 29/01/1995; tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 08/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S; con bà: Đinh Thị T2; Có vợ là Lang Thị T3 và 01 con sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 04/8/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 20/12/2021. Bị tạm giữ từ ngày 07/11/2023 đến

ngày 16/11/2023; sau đó bị tạm giam từ ngày 16/11/2023 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

* Người bị hại: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Văn H1; sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 05/11/2023, Nguyễn Văn P (SN 2000, trú tại thôn Q, xã T, huyện T) điều khiển xe mô tô chở Bùi Văn V (SN 1995, trú tại thôn L, xã T, huyện T) đi chơi tại khu vực thôn Đ, xã T nhìn thấy nhà chị Bùi Thị H (SN 1984) không có ai ở nhà, cửa cổng không khóa nên P và V nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định trên, P điều khiển xe chở V đến khu vực sân của ngôi nhà, P đứng ở ngoài còn V đi vào phía trong sân thì phát hiện có 01 máy cưa xích nhãn hiệu Husqvarna 353, màu cam đang để ở góc sân nên Vĩnh xách chiếc máy cưa ra chỗ P đứng chờ sẵn rồi cả hai đem tài sản vừa trộm cắp đến cửa hàng sửa chữa máy cưa bán cho anh Bùi Văn H1 (SN 2000, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T) được số tiền 4.200.000 đồng. Số tiền này, P và V đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 06/11/2023, Sau khi phát hiện bị mất tài sản chị Bùi Thị H đã trình báo cơ quan chức năng. Cùng ngày 06/11/2023, Nguyễn Văn P, Bùi Văn V đến Công an xã T đầu thú khai nhận hành vi phạm tội. Ngày 07/11/2023 Công an xã T, huyện T đã chuyển hồ sơ cùng các đối tượng cho Cơ quan điều tra Công an huyện T tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS ngày 10/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc cưa xích nhãn hiệu Husqvarna 353 tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 6.985.000 đồng.

Quá trình điều tra còn xác định được, ngoài lần trộm cắp nêu trên thì Nguyễn Văn P và Bùi Văn V còn thực hiện 02 lần trộm cắp khác cụ thể: Ngày 01/11/2023, Nguyễn Văn P và Bùi Văn V trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Balmy, biển kiểm soát 36N7-5353 trị giá 1.300.000 đồng của chị Bùi Thị N (SN 1974, trú tại thôn L, xã T, huyện T) và ngày 06/11/2023 P, V trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sufat, màu xanh, biển kiểm soát 36M7-5409 trị giá 1.400.000 đồng của chị Trương Thị T4 (SN 1978, trú tại thôn V, xã T, huyện T). Những lần trộm cắp này giá trị tài sản bị trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, mặt khác P, V chưa có tiền án, tiền sự do đó hành vi của P, V ở các lần

trộm cắp này không cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đề nghị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Tại cơ quan điều tra, P và V đã thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc xe mà P, V sử dụng để đi trộm cắp tài sản là xe Phương mượn của anh Quách Văn N1 (SN 1985, trú tại thôn Q, xã T). Khi P mượn xe để đi trộm cắp tài sản anh N1 không biết nên không xem xét vai trò của N1 trong vụ án.

Đối với anh Bùi Văn H1 là người đã mua chiếc cưa xích do các bị cáo đem bán. Tuy nhiên, khi mua tài sản anh H1 không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Mặt khác, sau khi biết thông tin tài sản thì anh H1 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra xử lý theo quy định nên hành vi của anh H1 không vi phạm pháp luật.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, người có liên quan tự giác giao nộp, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 chiếc cưa xích nhãn hiệu Husqvarna 353, màu cam, máy đã qua sử dụng;

Quá trình điều tra, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc máy cưa cho chị Bùi Thị H là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại chị Bùi Thị H đã nhận được tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn H1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 4.200.000 đồng là tiền mà anh bỏ ra để mua chiếc máy cưa. Hiện các bị cáo chưa thực hiện việc bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSTT ngày 10/01/2024, Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn P, Bùi Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Bùi Văn V phạm tội' Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Bùi Văn V từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn P và bị cáo Bùi Văn V phải liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn H2 số tiền 4.200.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường ½ số tiền trên.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập, xác định hiện tại các bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên đại diện VKSND đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi như cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân mô tả và truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và không có ý kiến tranh luận gì.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, lợi dụng việc chủ nhà đi vắng không có người trong coi tài sản nên vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 05/11/2023 tại thôn Đ, xã T, huyện T, các bị cáo Nguyễn Văn P, Bùi Văn

V đã cùng rủ nhau thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt 01 chiếc cưa xích trị giá 6.985.000 đồng của chị Bùi Thị H, sau đó đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Do đó có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Văn P và Bùi Văn V đã có hành vi vi phạm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, vai trò: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng mang tính chất đồng phạm giải đơn do Nguyễn Văn P, Bùi Văn V cùng thực hiện và có vai trò ngang nhau trong vụ án. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ là "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "Đầu thú" quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Những tình tiết này cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Các bị cáo đều là những thanh niên có sức khỏe tuy nhiên không muốn lao động để kiếm tiền hợp pháp mà chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu sài, trong thời gian ngắn các bị cáo lén lút nhiều lần trộm cắp tài sản của công dân, quá trình điều tra xác định các bị cáo đều là những đối tượng nghiện ma túy, bị cáo Bùi Văn V có 01 tiền sự. Do đó cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ cải tạo các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[6]. Đối với anh Nguyễn Văn H2 là người đã mua tài sản do các bị cáo trộm cắp được mà có. Tuy nhiên, khi mua những tài sản này anh H2 không biết đây là tài sản trộm cắp mà có, khi biết nguồn gốc tài sản liên quan đến hành vi trộm cắp anh H2 đã tự nguyện giao nộp các tài sản phục vụ công tác điều tra.Vì vậy, hành vi của anh H2 không vi phạm pháp luật.

[7]. Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại là chị Bùi Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Văn H1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 4.200.000 đồng, là tiền anh đã mua chiếc cưa điện, đây là yêu cầu đúng quy định của pháp luật do đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh H1 buộc các bị cáo phải liên đới trả lại cho anh H1 số tiền 4.200.000 đồng, mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh H1 ½ số tiền trên là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, người có liên quan tự giác giao nộp, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc cưa xích nhãn hiệu Husqvarna 353, màu cam, máy đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc máy cưa cho chị Bùi Thị H là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản là đúng quy định của pháp luật

[9] Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Qua xác minh các bị cáo đều không có tài sản, thu nhập không đáng kể nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn P, Bùi Văn V phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 07/11/2023

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn V 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 07/11/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 127; Điều 131 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn P và Bùi Văn V phải bồi thường cho anh Bùi Văn H1 số tiền 4.200.000 đồng. Mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường ½ số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh H1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án xong thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 6, Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Nguyễn Văn P và bị cáo Bùi Văn V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
-Công an huyện Thạch Thành;
- Đội THAHS công an Thạch Thành;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thủy **Nguyễn Thị Thanh Thủy** **Bùi Văn Hải**